BUT VANG

Họ và tên : ……

Lớp: 4

BÀI TẬP THEO TUẦN

TUẦN 22

I. TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng hoặc làm theo yêu cầu.

Câu 1: Cho: $\frac{4}{9}$ … $\frac{3}{9}$. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. =

Câu 2: Cho: $\frac{23}{24}$ … 1. Dấu (<, >, =) thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. =

Câu 3: Trong các phân số: $\frac{5}{9}$; $\frac{11}{7}$; $\frac{9}{5}$; $\frac{7}{11}$; $\frac{17}{18}$; $\frac{18}{18}$ các phân số lớn hơn 1 là:

A. $\frac{5}{9}$; $\frac{11}{7}$; $\frac{9}{5}$ B. $\frac{11}{7}$; $\frac{9}{5}$

C. $\frac{11}{7}$; $\frac{18}{18}$; $\frac{9}{5}$ D. $\frac{18}{18}$; $\frac{11}{7}$; $\frac{7}{11}$

Câu 4: Các phân số $\frac{5}{8}$; $\frac{3}{8}$; $\frac{8}{8}$; $\frac{6}{8}$ được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. $\frac{8}{8}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{5}{8}$; $\frac{3}{8}$ B. $\frac{3}{8}$; $\frac{5}{8}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{8}{8}$

C. $\frac{8}{8}$; $\frac{5}{8}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{3}{8}$ D. $\frac{8}{8}$; $\frac{6}{8}$; $\frac{5}{8}$; $\frac{3}{8}$

Câu 5: Cho: $\frac{1}{5}$ … $\frac{2}{15}$. Dấu (<, >, =) thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. =

Câu 6: Khoanh vào phân số lớn hơn $\frac{7}{9}$:

A. $\frac{19}{27}$ B. $\frac{14}{18}$ C. $\frac{35}{45}$ D. $\frac{35}{28}$

Câu 7: Trong các phân số: $\frac{8}{9}$; $\frac{8}{3}$; $\frac{8}{5}$; $\frac{8}{11}$ phân số lớn nhất là:

A. $\frac{8}{9}$ B. $\frac{8}{3}$ C. $\frac{8}{5}$ D. $\frac{8}{11}$

Câu 8: Các phân số $\frac{9}{15}$; $\frac{15}{45}$; $\frac{16}{20}$; $\frac{32}{20}$ được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. $\frac{15}{45}$; $\frac{9}{15}$; $\frac{16}{20}$; $\frac{32}{20}$ **C.** $\frac{32}{20}$; $\frac{16}{20}$; $\frac{9}{15}$; $\frac{15}{45}$

B. $\frac{32}{20}$; $\frac{15}{45}$; $\frac{16}{20}$; $\frac{9}{15}$ D. $\frac{32}{20}$; $\frac{9}{15}$; $\frac{15}{45}$; $\frac{16}{20}$

BUTVANG.VN

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Quy đồng mẫu số các phân số sau bằng cách hợp lý nhất:

a) $\frac{60}{80}$ và $\frac{3}{8}$ a) $\frac{13}{8}$ và $\frac{7}{6}$ a) $\frac{36}{42}$ và $\frac{5}{14}$

....

....

Bài 2. Từ ba chữ số 1, 4, 5 hãy lập ra 3 phân số sao cho các phân số đó:

a, Nhỏ hơn 1, rồi sắp xếp chúng theo thứ tự từ lớn đến bé:……

.....

b, Lớn hơn 1, rồi sắp xếp chúng theo thứ tự từ bé đến lớn:……..……

Bài 3. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{9}$....$\frac{1}{8}$ b) $\frac{45}{46}$....$\frac{43}{46}$ c) $\frac{3}{7}$....$\frac{6}{14}$ d) $\frac{2}{5}$....$\frac{7}{15}$ e) $\frac{6}{9}$....$\frac{7}{5}$

Bài 4. Viết các phân số mà mỗi phân số có tử số cộng mẫu số bằng 10 và là:

a, Phân số nhỏ hơn 1	b, Phân số lớn hơn 1	c, Phân số bằng 1
……	……	……
……	……	……

Bài 5. Sắp xếp các dãy phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

a, $\frac{1}{4};\frac{1}{8};\frac{1}{9};\frac{1}{2}$	b, $\frac{5}{6};\frac{3}{4};\frac{1}{2};\frac{5}{5}$	c, $\frac{1}{3};\frac{1}{2};\frac{3}{8}$
……	……	……
……	……	……

Bài 6. Tìm 5 phân số lớn hơn $\frac{5}{7}$ và nhỏ hơn $\frac{6}{7}$.

……

……

……

==========

CHÚC CON HOÀN THÀNH TỐT BÀI LÀM CỦA MÌNH

BUTVANG.VN

GỢI Ý/HƯỚNG DẪN GIẢI

PHẦN I: Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	B	A	A	D	B	C

II. Tự luận

Bài 1. Quy đồng mẫu số các phân số sau bằng cách hợp lý nhất:

a) $\frac{60}{80}$ và $\frac{3}{8}$ a) $\frac{13}{8}$ và $\frac{7}{6}$ a) $\frac{36}{42}$ và $\frac{5}{14}$

$\frac{6}{8}$ và $\frac{3}{8}$ $\frac{39}{24}$ và $\frac{18}{24}$ $\frac{12}{14}$ và $\frac{5}{14}$

Bài 2. Từ ba chữ số 1, 4, 5 hãy lập ra 3 phân số sao cho các phân số đó:

a, Nhỏ hơn 1, rồi sắp xếp chúng theo thứ tự từ lớn đến bé: $\frac{4}{5};\frac{1}{4};\frac{1}{5}$

b, Lớn hơn 1, rồi sắp xếp chúng theo thứ tự từ bé đến lớn: $\frac{5}{4};\frac{4}{1};\frac{5}{1}$

Bài 3. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm:

a) $\frac{1}{9}<\frac{1}{8}$ b) $\frac{45}{46}>\frac{43}{46}$ c) $\frac{3}{7}=\frac{6}{14}$ d) $\frac{2}{5}<\frac{7}{15}$ e) $\frac{6}{9}<\frac{7}{5}$

Bài 4. Viết các phân số mà mỗi phân số có tử số cộng mẫu số bằng 10 và là:

a, Phân số nhỏ hơn 1	b, Phân số lớn hơn 1	c, Phân số bằng 1
$\frac{1}{9};\frac{2}{8};\frac{3}{7};\frac{4}{6}$	$\frac{6}{4};\frac{7}{3};\frac{8}{2};\frac{9}{1}$	$\frac{5}{5}$

Bài 5. Sắp xếp các dãy phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

a, $\frac{1}{4};\frac{1}{8};\frac{1}{9};\frac{1}{2}$	b, $\frac{5}{6};\frac{3}{4};\frac{1}{2};\frac{5}{5}$	c, $\frac{1}{3};\frac{1}{2};\frac{3}{8}$
$\frac{1}{9};\frac{1}{8};\frac{1}{4};\frac{1}{2}$	$\frac{1}{2};\frac{3}{4};\frac{5}{6};\frac{5}{5}$	$\frac{1}{3};\frac{3}{8};\frac{1}{2}$

Bài 6. Tìm 5 phân số lớn hơn $\frac{5}{7}$ và nhỏ hơn $\frac{6}{7}$.

Ví dụ: $\frac{11}{14};\frac{16}{21};\frac{17}{21}$.

Cách làm: Quy đồng hai phân số với mẫu số lớn hơn và tìm phân số ở giữa.

BUTVANG.VN